

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 480/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10-12-2024

Về tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Vũ Văn Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Loan

Bà Trần Thị Nhung

- *Thư ký phiên toà:* Bà Trần Thị Thanh Lam - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:* Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 422/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; số căn cước công dân: 036173019489; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: L, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định. (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1969; số căn cước công dân: 036069002752; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: L, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định. (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. *Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình nộp ngày 07-11-2024, tron Nguyễn Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Ngọc P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố N, tỉnh Nam Định ngày 14-07-1990. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian đến khoảng đầu năm 2024 trở lại đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông P tính tình nóng nảy, vợ chồng hay xảy ra va chạm. Bà đã nhiều lần nói chuyện với ông P để khắc phục mâu thuẫn nhưng hai bên không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng nên vợ chồng bà đã sống ly thân. Bà đã chuyển ra ngoài sinh sống, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên có nguyện vọng xin được ly hôn ông Nguyễn Ngọc P.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Ngọc P1 (giới tính: Nam), sinh ngày 15-9-1990 và Nguyễn Ngọc Mai L (giới tính: Nữ), sinh ngày 31-8-2005. Các con Nguyễn Ngọc P1 và Nguyễn Ngọc Mai L đều đã trưởng thành, tự lập nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 19-11-2024 bị đơn là ông Nguyễn Ngọc P trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố N, tỉnh Nam Định vào năm 1990. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng ở xa nhau, không có sự hàn gắn tình cảm. Từ khoảng năm 1997, bà Nguyễn Thị H bắt đầu sang Hàn Quốc đi lao động, năm 2001 bà P có quay về Việt Nam sau đó lại tiếp tục sang Đài Loan lao động. Ông xác nhận trong cuộc sống vợ chồng cũng có những lúc mâu thuẫn nhỏ tuy nhiên theo ông thì mâu thuẫn của vợ chồng cũng không đến mức trầm trọng, có thể hàn gắn khắc phục được. Nay bà H xin ly hôn quan điểm của ông không nhất trí ly hôn với bà H mà mong muốn vợ chồng quay lại đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có hai con chung là Nguyễn Ngọc P1 (giới tính: Nam), sinh ngày 15-9-1990, và Nguyễn Ngọc Mai L (giới tính: Nữ), sinh ngày 31-8-2005. Các con Nguyễn Ngọc P1 và Nguyễn Ngọc Mai L đều đã trưởng thành, tự lập nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Ông Nguyễn Ngọc P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:*

Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Ngọc P là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không có biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn. Nay hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xử ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Ngọc P.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có hai con chung là Nguyễn Ngọc P1 (giới tính: Nam), sinh ngày 15-9-1990, và Nguyễn Ngọc Mai L (giới tính: Nữ), sinh ngày 31-8-2005. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Ngọc P không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn nên phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, ông Nguyễn Ngọc P là bị đơn đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Ngọc P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Ngọc P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố N, tỉnh Nam Định ngày 14-07-1990 nên hôn nhân giữa bà H và ông P là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn bà H và ông P chung sống được một thời gian đến khoảng đầu năm 2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay xảy ra va chạm. Hai bên đã nói chuyện để khắc

phục mâu thuẫn nhưng không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, trầm trọng. Ông P không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì khác phục mâu thuẫn. Hiện tại, vợ chồng ông bà đã sống ly thân, cuộc sống chung không còn trên thực tế. Nay bà H xác định không còn tình cảm với ông P và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông P ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa bà H và ông P theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc P và bà Nguyễn Thị H có 02 con chung là Nguyễn Ngọc P1 (giới tính: Nam), sinh ngày 15-9-1990 và Nguyễn Ngọc Mai L (giới tính: Nữ), sinh ngày 31-8-2005. Các con chung đã trưởng thành, tự lập, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Ngọc P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà H và ông P đều xác nhận vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Ngọc P.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị H đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002424 ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

3. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Ngọc P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Nam Định;
- Chi cục THADS TP Nam Định;
- UBND xã Mỹ Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Trường**